

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT TKNET
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT TKNET

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TKNET ENGINEERING SOLUTIONS DESIGN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110746062

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, ngách 299/55 đường Hoàng Mai, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá	0810
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
5.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm, trừ in rập khuôn tem)	1811
6.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
7.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
8.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
9.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
10.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
11.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
12.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Đúc sắt, thép	2431
15.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
16.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

17.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
18.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
21.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân huy chương quân đội bằng kim loại)	2599
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
24.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
25.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
26.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
27.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
28.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
29.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
30.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
31.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
32.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
33.	Sản xuất máy luyện kim	2823
34.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
35.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
36.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
39.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
40.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Tái chế phế liệu	3830
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
45.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
48.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50.	Phá dỡ	4311

51.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
52.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
55.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
56.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4513
57.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
59.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
60.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
62.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
63.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
64.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
65.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
67.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)	4661
68.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép (Không bao gồm bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.	4663
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động bán buôn đá quý)	4669
71.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
72.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

73.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
76.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
77.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
78.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
86.	Bưu chính	5310
87.	Chuyển phát	5320
88.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
89.	Hoạt động viễn thông khác	6190
90.	Lập trình máy vi tính	6201
91.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
92.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
93.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
94.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
95.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm các dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399
96.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619
97.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622

98.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Trừ hoạt động đấu giá)	6810
99.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
100.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, thuế)	7020
101.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình Khảo sát địa chất công trình Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kết cấu công trình Thiết kế cơ - điện công trình Thiết kế cấp - thoát nước công trình Thiết kế xây dựng công trình giao thông Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn Giám sát công tác xây dựng công trình Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Định giá xây dựng Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình	7110(Chính)
102.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
103.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
104.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
105.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
106.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
110.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
111.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
112.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
113.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
114.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
115.	Đại lý du lịch	7911

116.	Điều hành tua du lịch	7912
117.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
118.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
119.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
120.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
121.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
122.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
123.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
124.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
125.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng các công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
127.	Giáo dục nhà trẻ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8511
128.	Giáo dục mẫu giáo	8512
129.	Giáo dục tiểu học	8521
130.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
131.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
132.	Đào tạo sơ cấp	8531
133.	Đào tạo trung cấp	8532
134.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
135.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học	8560
136.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện	8610
137.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa	8620
138.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9511
139.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9512

140.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
141.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)	9522
142.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN THANH	Thôn La Vân, Xã Ninh Giang, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	850.000	8.500.000.000	17,000	0380810177 26	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	850.000	8.500.000.000	17,000		

2	BÙI VĂN THÁI	Thôn Thông 2, Xã Khánh Cư, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.450.000	24.500.000.000	49,000	037083000236
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	2.450.000	24.500.000.000	49,000	
3	PHẠM QUANG VINH	Số 64, đường Choong Đèn, Tổ 14, Phường Nam Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	037083004978
			Cổ phần phổ thông	850.000	8.500.000.000	17,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	850.000	8.500.000.000	17,000	
4	LÊ HỒ PHƯƠNG	Tổ 1, Phường Tây Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	C0780252
			Cổ phần phổ thông	850.000	8.500.000.000	17,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	850.000	8.500.000.000	17,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAM QUANG VINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/08/1983

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037083004978

Ngày cấp: 14/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Tổ 8, Phường Nam Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 64, đường Choong Đền, Tổ 14, Phường Nam Sơn, Thành phố Tam
Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội